

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 601/2023/HC-PT

Ngày 28 tháng 7 năm 2023.

V/v: “Khiếu kiện áp dụng biện pháp khắc
phục hậu quả, quyết định cưỡng chế buộc
thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương
Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số MERGEFIELD Số_thụ_lý 350/2023/TLPT-HC ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc “Khiếu kiện áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 77/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1706/2023/QĐPT-HC ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Số I, tổ A (tổ C), khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/3/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Luật sư Nguyễn Đình T1, thuộc Công ty L – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: 4 Hậu Giang, phường 11, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số I, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Duy T2 – Phó Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt).

- Ông Nguyễn Xuân T3 - Phó Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Hoàng Tuấn A – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số I, tổ A (tổ C), khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/11/2020).

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện người khởi kiện ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ là Ngô Văn H trình bày:**

Ông T bao chiếm đất hoang từ năm 1993 làm nhà ở tạm sinh sống đến khi ông T4 về làm đơn đòi lại đất, có văn bản trả lại đất cho ông T4. Ngày 01/9/1992 Ủy ban nhân dân phường T ban hành công văn số 10/BC với nội dung khi nào thu

hoạch rừng nếu ông T4 có nhu cầu sử dụng đất để sản xuất sinh sống thì phường sẽ giải quyết giao lại đất. Ngày 11/01/1995 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành văn bản số 14/UB với nội dung xác nhận lại ý kiến của Ủy ban nhân dân phường T, nếu ông T4 lấy lại đất ngay thì phải bồi hoàn giá trị về những thành quả trên đất tại thời điểm đó, tin tưởng văn bản trên, ông T mới thỏa thuận bồi hoàn sang nhượng lại phần đất trên nên ông T xây dựng nhà xưởng các công trình phục vụ cuộc sống ổn định không tranh chấp với ai. Đến ngày 17/6/1997 Ủy ban nhân dân phường T đã tổ chức lực lượng vớt bỏ đồ đạc của ông T ra đường, giật sập nhà của ông T. Ông T đã làm đơn lên các cấp đã được chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ lúc đó cho dựng lại nhà cửa và yêu cầu Ủy ban nhân dân phường T làm báo cáo tình hình những hộ dân có nhu cầu sử dụng đất để được xem xét. Đến năm 2014 Ủy ban nhân dân phường T ra thông báo thu hồi đất công và vận động người dân tự tháo dỡ nhà cửa trả lại đất công. Ông T đã gửi đơn đến nhiều cơ quan các cấp nhưng Ủy ban nhân dân thành phố B không giải quyết khiếu nại mà tiến hành thực hiện cưỡng chế. Đến ngày 09/5/2019 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định số 1534/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 04/10/2019 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định số 3932/QĐ-CCKPHQ cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 12/11/2019 Ủy ban nhân dân thành phố B tiếp tục ban hành quyết định số 14430/UBND-NC về việc xử lý đơn các hộ dân phường T với nội dung không có cơ sở xem xét. Đến ngày 03/12/2019 Ủy ban nhân dân phường T ra Thông báo số 72/TB thực hiện cưỡng chế vào ngày 12/12/2019.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố B và chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B cho rằng đất của ông T là đất công là hoàn toàn sai vì đất của ông T có nguồn gốc rõ ràng. Chưa giải quyết khiếu nại cho ông T mà Ủy ban đã cưỡng chế lấy đất là trái pháp luật.

Ngày 22/12/2019 ông T nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu xem xét quyết định số 14430/UBND-NC về việc xử lý đơn các hộ dân phường T. Tuy nhiên ngày 20/02/2020 ông T nộp đơn xin rút nội dung yêu cầu của đơn khởi kiện bổ sung.

Do đó ông T xác định nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Hủy Quyết định 1534/QĐ-KPHQ ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn T.

2. Hủy Quyết định 3932/QĐ-CCKPHQ ngày 04/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả.

Ông T cam đoan về việc không đồng thời khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

*** Theo bản tự khai, người bị kiện là UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B trình bày:**

Về nguồn gốc đất: Thửa đất số 69 tờ bản đồ số 08 phường T, thành phố B là đất có nguồn gốc Ủy ban phường T quản lý (đất công), ông Huỳnh Văn T5 lấn chiếm, chuyển nhượng bằng giấy tay cho nhiều người trong đó có ông Nguyễn Văn T diện tích khoảng 500m². Ngày 24/6/2014 Ủy ban nhân dân phường T có Thông báo số 21/TB-UBND về việc trả lại đất công khu phố D phường T gửi đến các hộ dân có ông T với nội dung Ủy ban yêu cầu các hộ dân tự tháo dỡ nhà ở và vật kiến trúc trên đất để trả lại mặt bằng theo đúng hiện trạng ban đầu, thời gian bàn giao mặt bằng chậm nhất đến ngày 06/7/2014, hết thời hạn trên không thực hiện thì Ủy ban cưỡng chế thu hồi theo quy định. Ngày 04/7/2014 ông T gửi đơn đến Ủy ban nhân dân phường T đề nghị ủy ban không thu hồi đất tạo điều kiện cho gia đình ông T sinh sống và sản xuất. Ngày 19/8/2014, Ủy ban nhân dân phường T đã có văn bản số 21/UBND trả lời đơn khiếu nại của ông T không có cơ sở xem xét và yêu cầu ông T chấp hành Thông báo của phường. Năm 2016 ông T tiếp tục có đơn gửi cơ quan chức năng và đã được Ủy ban nhân dân thành phố B trả lời theo văn bản số 12555/UBND-TCĐ ngày 02/12/2016 nội dung kiến nghị không có cơ sở xem xét.

Quá trình xử lý việc ông Nguyễn Văn T vi phạm: Ngày 15/3/2019 Ủy ban nhân dân phường T lập biên bản vi phạm hành chính số 11/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với ông T, ông T có mặt và ký tên. Ngày 01/4/2019 Ủy ban nhân dân phường T lập biên bản xác minh tình tiết vi phạm hành chính số 03/BB-XM đối với ông T, ông T có mặt và ký tên. Ngày 12/4/2019 Ủy ban nhân dân phường T có Tờ trình số 25/TTr-UBND về việc đề xuất ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T vi phạm chiếm đất rừng sản xuất không phải là đất ở do Ủy ban nhân dân phường Q diện tích khoảng 500m² thuộc một phần thửa 69 tờ bản đồ số 8 phường T hiện trạng trên đất có nhà theo khoản 2 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do thời điểm vi phạm của ông T được phát hiện vào năm 2014 đến nay đã hết thời hiệu ban hành quyết định xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính. Ngày 09/5/2019, chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định số 1534/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T. Ngày 12/6/2019, Ủy ban nhân dân phường T đã tổng đạt quyết định cho ông T. Ngày 04/7/2019 Ủy ban nhân dân phường T có tờ trình số 41/TTr-UBND đề xuất ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do ông T không chấp hành. Ngày 04/10/2019, chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định số 3932/QĐ-CCKPHQ cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 16/10/2019, Ủy ban nhân dân phường T đã tổng đạt quyết định cho ông T, ông T có mặt nhưng không nhận quyết định số 3932/QĐ-CCKPHQ, Ủy ban niêm yết quyết định theo quy định pháp luật. Ngày 24/10/2019, ông T đã nhận Quyết định số 3932/QĐ-CCKPHQ. Địa phương đã vận động, tuyên truyền, giải thích nhưng ông T không chấp hành. Ngày 12/12/2019, Ủy ban phường T đã phối hợp các ngành chức năng thực hiện cưỡng chế theo quy định.

Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là không có căn cứ pháp luật vì các quyết định trên thực hiện theo trình tự, thủ tục đảm bảo đúng theo quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết theo quy định pháp luật và xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử.

* Theo lời khai của Ủy ban nhân dân phường T trình bày: Ngày 11/01/1995 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành văn bản số 14/UB với nội dung giao Ủy ban phường T điều tiết giao lại đất cho ông Huỳnh Văn T5 với diện tích 1.650m² (ngang 30m dài 55m), sau khi được Ủy ban phường T giao đất, ông T5 đã phân lô chuyển nhượng hết 1.650m² cho các hộ dân hiện nay thuộc các thửa 191, 192, 193, 194 và 195 tờ bản đồ số 8 phường T. Cùng thời gian được Ủy ban phường giao đất, ông Huỳnh Văn T5 đã lấn chiếm thêm diện tích đất công nay thuộc thửa 69 tờ bản đồ số 8 để chuyển nhượng trái phép cho các hộ dân trong đó có ông T. Ngày 08/6/1998 Ủy ban nhân thành phố B ban hành quyết định số 201/QĐ về việc giải quyết đơn khiếu nại 12 người dân tạm trú tổ A khu phố D phường T trong việc mua đất của ông Huỳnh Văn T5 xây dựng nhà ở trái phép với nội dung bác đơn khiếu nại của ông T5 và 12 hộ dân. Ngày 30/12/1998 Ủy ban tỉnh Đ ban hành quyết định số 4730/QĐ.CT.UBT về việc giải quyết khiếu nại của ông T5 bác đơn khiếu nại của ông T5 công nhận nội dung quyết định số 201/QĐ của chủ tịch Ủy ban nhân thành phố B. Ngày 10/12/2010 Ủy ban nhân thành phố B ban hành Thông báo số 688/TB-UBND thông báo kết luận về kết quả kiểm tra đất công trong đó có thửa 69 tờ bản đồ số 8 và xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 77/2022/HC-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

Căn cứ các Điều 30; 32; 157; khoản 1 Điều 158; 191; 193 Luật tổ tụng Hành chính 2015;

Khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69, khoản 2 Điều 74 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1534/QĐ-KPHQ ngày 09/5/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và hủy Quyết định số 3932/QĐ-CCKPHQ ngày 04/10/2019 về việc cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định, ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không đối thoại với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét về nguồn gốc diện tích đất khoảng 500m² thuộc một phần diện tích thửa 69 tờ bản đồ số 8 phường T, thành phố B ông Nguyễn Văn T khởi kiện: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, đất có nguồn gốc Ủy ban phường T quản lý (đất công), ông Huỳnh Văn T5 lấn chiếm, chuyển nhượng bằng giấy tay cho nhiều người trong đó có ông Nguyễn Văn T diện tích khoảng 500m². Tại quyết định số 4730/QĐ.CT.UBT ngày 30/12/1998 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã bác đơn khiếu nại của ông T5 và công nhận Quyết định số 201/QĐ ngày 08/6/1998 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết bác khiếu nại của ông T5 và của 12 người dân tạm trú tại tổ A khu phố D phường T mua đất của ông T5 xây nhà trái phép bị phường T.

Ngày 24/6/2014 Ủy ban nhân dân phường T có Thông báo số 21/TB-UBND về việc trả lại đất công khu phố D phường T gửi đến các hộ dân trong đó có ông T với nội dung Ủy ban yêu cầu các hộ dân tự tháo dỡ nhà ở và vật kiến trúc trên đất để trả lại mặt bằng theo đúng hiện trạng ban đầu, thời gian bàn giao mặt bằng chậm nhất đến ngày 06/7/2014, hết thời hạn trên không thực hiện thì Ủy ban cưỡng chế thu hồi theo quy định.

Ngày 04/7/2014 ông T gửi đơn đến Ủy ban nhân dân phường T đề nghị ủy ban không thu hồi đất tạo điều kiện cho gia đình ông T sinh sống và sản xuất. Ngày 19/8/2014, Ủy ban nhân dân phường T đã có văn bản số 21/UBND trả lời đơn khiếu nại của ông T không có cơ sở xem xét và yêu cầu ông T chấp hành Thông báo của phường. Năm 2016 ông T tiếp tục có đơn gửi cơ quan chức năng và đã được Ủy ban nhân dân thành phố B trả lời theo Văn bản số 12555/UBND-TCD ngày 02/12/2016 nội dung kiến nghị không có cơ sở xem xét.

[3] Xét nội dung đơn kháng cáo của ông T; Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ngày 15/3/2019, Ủy ban nhân dân phường T lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai tại thửa đất 69 tờ bản đồ số 8 tại tổ C, khu phố D, phường T với nội dung có các hành vi vi phạm hành chính: “*đã sử dụng chiếm đất do Ủy ban nhân dân phường T quản lý thuộc một phần diện tích thửa 69 tờ bản đồ số 8 diện tích khoảng 500m² trên đất đã dựng căn nhà cấp 4 khoảng 54m² và mái tôn diện tích khoảng 276m². Thời điểm vi phạm: Theo thông báo số 21/TB-UBND ngày 24/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc trả lại đất công khu phố D, phường T, thành phố B theo khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP của Chính Phủ*”. Ông Nguyễn Văn T có mặt và ký tên ghi nhận nội dung: “*Chấp thuận theo chủ trương của Nhà nước về việc trả lại đất công khu phố 4 nhưng đề nghị Nhà nước hỗ trợ di dời và được bố trí chỗ ở*”.

[3.2] Ngày 12/4/2019, UBND phường T có Tờ trình về việc đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T. Ngày 09/5/2019, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1534/QĐ-KPHQ nội dung thể hiện hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần khắc phục: “*Chiếm đất rừng sản xuất không phải là đất ở do Ủy ban nhân dân phường T quản lý diện tích khoảng 500m² một phần diện tích thửa 69 tờ bản đồ số 8 phường T, lý do hết thời hiệu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp buộc ông Nguyễn Văn T phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm*”, ông T đã nhận quyết định ngày 12/6/2019. Do ông Nguyễn Văn T chưa chấp hành nội dung khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm nên ngày 04/7/2019 Ủy ban nhân dân phường T ban hành Tờ trình số 41/TTr-UBND đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định cưỡng chế, ngày 04/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3933/QĐ-KPHQ, ngày 24/10/2019 bà Nguyễn Thị Đ (vợ của ông T) nhận quyết định. Như vậy, về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định bị khởi kiện là đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

[3.3] Sau khi Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, ông Nguyễn Văn T không thực hiện việc tháo dỡ công trình vi phạm và khôi phục lại tình trạng ban đầu nên Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 18 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, sửa đổi bổ sung năm 2008 quy định: “*Cá nhân, tổ chức phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính của mình gây ra hoặc phải tháo dỡ công trình xây dựng trái phép; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện thực hiện thì bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu mọi chi phí cho việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế*”.

Từ những căn cứ như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy; Bản án sơ thẩm không chấp yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T; về việc khởi kiện yêu cầu “*hủy Quyết định 1534/QĐ-KPHQ ngày 09/5/2019 về việc*

áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và hủy Quyết định 3932/QĐ-CCKPHQ ngày 04/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả” là có căn cứ đúng pháp luật. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới làm thay đổi bản chất nội dung vụ án; do vậy đơn kháng cáo của ông T không có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 77/2022/HC-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ các Điều 30; 32; 157; khoản 1 Điều 158; 191; 193 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69, khoản 2 Điều 74 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1534/QĐ-KPHQ ngày 09/5/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và hủy Quyết định số 3932/QĐ-CCKPHQ ngày 04/10/2019 về việc cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai 0000515 ngày 09/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (ông T đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đồng Nai; (1)
- VKSND tỉnh Đồng Nai; (1)
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (2)
- NCQLNVLQ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (QĐ- NTTAM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành

